

Số: 25/2025/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NINH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 về việc: *“yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh Vũ Văn B, sinh năm 1988

2/ Chị Dương Thị D, sinh năm 1988

Cùng nơi cư trú: tổ D, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Văn B và chị Dương Thị D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Hải Phòng) vào ngày 13/9/2010, nên hôn nhân giữa anh B và chị D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh B và chị D chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống và suy nghĩ dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay. Quá trình sống ly thân không còn quan tâm đến đời sống tình cảm của nhau. Nay anh B và chị D đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc anh B và chị D thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: anh Vũ Văn B và chị Dương Thị D có 02 con chung là Vũ

Hà T, sinh ngày 19/01/2014 và Vũ Đức B1, sinh ngày 06/10/2016. Anh B và chị D thỏa thuận, thống nhất: Chị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Hà T đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Đức B1 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh B, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: anh Vũ Văn B và chị Dương Thị D có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên giữa anh B và chị D là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh chị thỏa thuận chị D có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 30/7/2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: anh Vũ Văn B và chị Dương Thị D có 02 con chung là Vũ Hà T, sinh ngày 19/01/2014 và Vũ Đức B1, sinh ngày 06/10/2016. Chị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Hà T đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Đức B1 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh B, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: anh Vũ Văn B và chị Dương Thị D có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: anh Vũ Văn B và chị Dương Thị D không vay nợ chung cá nhân hay tổ chức nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Dương Thị D có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0004166 ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị D đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *THADS tỉnh Quảng Ninh;*
- *UBND xã Hải Hưng,*
thành phố Hải Phòng;
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Định